

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/QĐCNHGT - DS

Quảng Yên, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của **Ngân hàng TMCP P (OCB)** và bà **Vũ Thị T**.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 14 tháng 5 năm 2024 của **Ngân hàng TMCP P (O)**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: **Ngân hàng thương mại cổ phần P (OCB)**; Địa chỉ trụ sở: **số D đường L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Trịnh Văn T1** - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị **Ngân hàng thương mại cổ phần P**;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Thế M** - Chức vụ: Chuyên viên chính thu hồi nợ và ông **Trương Tuấn H** - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; cùng địa chỉ nơi làm việc: **số F đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** (theo Giấy ủy quyền số 01/2924/UQ-CT.HĐQT ngày 02/01/2024).

Người bị kiện: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1985; nơi thường trú: **khu C, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 02/8/2024, bà **Vũ Thị T** còn vay nợ **Ngân hàng TMCP P** tổng số tiền là: 1.575.583.815đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi

lăm triệu năm trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 1.461.103.973đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu một trăm linh ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng); nợ lãi là: 114.479.842đ (một trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) theo Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0155/2023/RB/HĐTD ngày 22/9/2023 và Khế ước nhận nợ số 22/9/2023/PUB/KUNN ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P**.

Bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P** thống nhất phương án trả nợ cụ thể như sau:

Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 0155/2023/RB/HĐTD ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa: bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P**.

Từ tháng 09/2024 đến tháng 11/2024 vào ngày 15 dương lịch mỗi tháng bà **Vũ Thị T** phải trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền gốc vào số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0155/2023/RB/HĐTD ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa: bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P**.

Chậm nhất đến 30/11/2024, bà **Vũ Thị T** phải trả toàn bộ dư nợ còn lại phải trả toàn bộ dư nợ còn lại bao gồm các khoản nợ gốc, lãi tính đến ngày 02/8/2024 là: 1.575.583.815đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.461.103.973đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi một triệu một trăm linh ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng); Nợ lãi là: 114.479.842đ (một trăm mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) gồm: lãi trong hạn 106.664.972đ (một trăm linh sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) và lãi quá hạn 7.814.870đ (bảy triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm bốn mươi đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2024 cho đến ngày bà **Vũ Thị T** thực tế thanh toán hết nợ cho **Ngân hàng TMCP P** theo Hợp đồng tín dụng số 0155/2023/RB/HĐTD ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa: bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P**.

Trường hợp vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào thì coi là vi phạm toàn bộ và phải trả ngay toàn bộ khoản vay nợ còn lại.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bà **Vũ Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên thì **Ngân hàng TMCP P** được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0115/2023/RB/HĐTC ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa bà **Vũ Thị T** với **Ngân hàng TMCP P** là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại

thửa đất số: 99, tờ bản đồ số: QH xí nghiệp Gổ; diện tích: 78 m²; địa chỉ: khu A, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 393302, số vào sổ cấp GCN: CH011213 do UBND thị xã Q cấp ngày 06/9/2023 cho bà Vũ Thị T, (có sơ đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất kèm theo) để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng P theo quy định của pháp luật.

Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của bà Vũ Thị T tại Ngân hàng TMCP P thì bà Vũ Thị T phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại và tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0155/2023/RB/HĐTD ngày 22/9/2023 đã ký kết giữa bà Vũ Thị T với ngân hàng TMCP P cho đến khi bà Vũ Thị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

- Đối với khoản nợ thẻ tín dụng: Tính đến ngày 02/8/2024, bà Vũ Thị T còn khoản nợ thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP P số tiền nợ là 27.676.559đ (hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là: 20.500.000 (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi là: 7.176.559đ (bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng).

Bà Vũ Thị T với Ngân hàng TMCP P thống nhất phương án trả nợ cụ thể như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/11/2024 bà Vũ Thị T phải tắt toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách cá nhân ngày 25/9/2023 đã ký kết giữa bà Vũ Thị T và Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 02/8/2024, số tiền nợ là 27.676.559đ (hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là: 20.500.000 (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi là: 7.176.559đ (bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) và lãi, phí phát sinh cho đến khi bà Vũ Thị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P (OCB) theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách cá nhân ngày 25/9/2023 đã ký kết giữa bà Vũ Thị T và Ngân hàng TMCP P.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị T có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP P 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- THADS Thị xã Quảng Yên;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Huy